TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/DS-ST
Ngày: 01/02/2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiền;

2. Ông Mai Huy Mân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Trong ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 340/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 334/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-DS ngày 18/01/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1984, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm: 1992, (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ghi ngày 08/9/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y trình bày:***

Chị có tham gia 03 dây hụi do chị Nguyễn Thị Mộng T làm đầu thảo, cụ thể như sau:

1. Dây hụi 5.000.000 đồng khui hụi vào ngày 12/11/2019âm lịch, một tháng khui hụi một lần, dây hụi gồm có 19 phần, chị tham gia 01 phần. Trong dây hụi này chị đã đóng được 15 lần hụi. Sau đó chị T tuyên bố ngưng hụi nên còn nợ lại chị số tiền là 75.000.000 đồng.

2. Dây hụi 5.000.000 đồng khui hụi vào đầu năm 2019âm lịch, 03 tháng khui hụi một lần, chị tham gia 01 phần. Trong dây hụi này chị đã đóng được 07 lần hụi. Sau đó chị T tuyên bố ngưng hụi nên còn nợ lại chị số tiền là 35.000.000 đồng.

3. Dây hụi 3.000.000 đồng khui hụi vào ngày 06/01/2020 âm lịch, một tháng khui hụi một lần, chị tham gia 01 phần. Trong dây hụi này chị đã đóng được 12 lần hụi. Sau đó chị T tuyên bố ngưng hụi nên còn nợ lại chị số tiền là 36.000.000 đồng.

Sau khi ngưng hụi, chị T có làm giấy biên nhận nợ chị số tiền tổng cộng 03 dây hụi là 146.000.000 đồng. Tuy nhiên chị đã nhiều lần yêu cầu chị T trả tiền nhưng chị T hứa hẹn nhiều lần không trả. Nay chị yêu cầu chị Nguyễn Thị Mộng T trả lại cho chị số tiền nợ hụi là 146.000.000 đồng, yêu cầu trả 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

**** Theo bản tự khai ngày 28/12/2023, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Mộng T trình bày:***

Chị Y có tham gia 03 dây hụi do chị làm đầu thảo, số lần chị Y đóng tiền hụi cho chị như chị Y trình bày là đúng. Do tay em không đóng tiền hụi cho chị nên chị phải ngưng hụi và chị có làm giấy xác nhận số tiền nợ 03 dây hụi của chị Y là 146.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó chị có trả cho chị Y nhiều lần tiền nhưng không nhớ trả bao nhiêu tiền, chị chỉ còn nợ lại chị Y khoảng 5.000.000 đồng – 7.000.000 đồng. Những lần trả tiền chị không nhớ thời gian cụ thể và cũng không có ai chứng kiến, chị với chị Y cũng không có làm biên nhận cho số tiền mà chị đã trả cho chị Y. Nay chị chỉ đồng ý trả cho chị Y 10.000.000 đồng nhưng xin mỗi tháng trả 300.000 đồng cho đến khi hết số tiền 10.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị Mộng T trả số tiền hụi là 146.000.000 đồng, chị T có địa chỉ tại ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, chị T vắng mặt lần thứ 2 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Y giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

3.1. Giao dịch dân sự về việc tham gia góp hụi giữa chị Y với chị T có lập thành văn bản, được hai bên thừa nhận, thể hiện ý chí của hai bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên được công nhận.

3.2. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Xét thấy, trong giao dịch góp hụi trên, chị Y là hụi viên đã thực hiện góp hụi đầy đủ cho chị T theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019. Tại phiên hòa giải ngày 28/12/2024, chị T thống nhất về số kỳ hụi mà chị Y đã đóng cho chị và chị T có làm giấy xác nhận số tiền nợ 03 dây hụi của chị Y là 146.000.000 đồng. Chị T cho rằng có trả cho chị Y nhiều lần tiền nhưng không nhớ cụ thể trả bao nhiêu tiền, chị chỉ đồng ý trả lại cho chị Y 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị Y không thừa nhận việc chị T có trả tiền cho chị, phía chị T cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh có trả tiền cho chị Y. Bản thân chị T cũng không nhớ rõ thời gian trả và số tiền đã trả. Do đó, lời trình bày của chị T là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 3 Điều 428, Điều 471 của Bộ luật dân sự, Điều 18, Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường thì việc chị T tự ngưng hụi là đơn phương chấm dứt hợp đồng, bên đã thực hiện nghĩa vụ có quyền yêu cầu bên kia thanh toán phần nghĩa vụ đã thực hiện đúng phần nghĩa vụ đã thực hiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị T phải hoàn trả lại cho chị Y số tiền đã góp hụi là 146.000.000 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357, khoản 3 Điều 428; Điều 471, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 16, Điều 18, Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Y.

Buộc chị Nguyễn Thị Mộng T phải trả cho chị Nguyễn Thị Y số tiền 146.000.000 đ (Một trăm bốn mươi sáu triệu đồng), ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Y có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị Mộng T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Mộng T phải chịu 7.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Y số tiền 3.650.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017977 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Thị Mỹ Nhanh